

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường,
huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Nghị quyết số 460/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2016, Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Đô thị Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9401/SXD-QH ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 428/TTrSNN&PTNT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới: Khu vực lập quy hoạch có vị trí là cảng cá Hòa Lộc hiện tại (khu vực ngã ba kênh De và sông Lạch Trường, tiếp giáp xã Hòa Lộc và xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc); ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp mặt nước sông kênh De (vị trí bến đò Vích hiện hữu);
- Phía Đông giáp đường giao thông ven đê kênh De xã Hải Lộc;
- Phía Tây giáp đường giao thông ven đê kênh De xã Hòa Lộc;
- Phía Nam giáp sông Lạch Trường.

b) Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 45,25 ha.

2. Tính chất: Là cảng cá loại II kết hợp khu neo đậu tránh trú bão; bao gồm các khu chức năng công cộng, thương mại, hạ tầng phục vụ cảng và khu neo đậu tránh trú bão.

3. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị

a) Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão	31,09	69,7
	Vùng đất	3,75	8,3
	Mặt nước	27,33	60,4
2	Khu hạ tầng kỹ thuật ngoài cảng và khu neo đậu tránh trú bão	14,16	31,3
	Tổng cộng	45,25	100

b) Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

STT	Hạng mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
Tổng			452.511,73			100,0
A	Đất quy hoạch cảng cá và âu neo đậu tránh trú bão		310.900,20			68,7
1	Đất ban quản lý cảng	CQ	2.218,55	40	2	0,5
2	Đất cảng cá	SC	29.292,83	60	1	6,5
3	Đất khu neo đậu tránh trú bão	TTB	6.017,07	30	1	1,3
3.1	Khu quản lý Âu neo đậu tránh trú bão (thuộc khu neo đậu tránh trú bão)	TTB-01	1.941,46	30	1	0,4
3.2	Khu nhà sinh hoạt cộng đồng (thuộc khu neo đậu tránh trú bão)	TTB-02	4.075,61	30	1	0,9
4	Mặt nước	MN	273.371,75	-	-	60,4
4.1	Mặt nước trước bên (khu cảng)	MN-01	26.701,11	-	-	5,9
4.2	Âu neo đậu tránh trú bão hiện trạng (khu neo đậu TTB)	MN-02	246.670,64	-	-	54,5
B	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	141.611,54			31,3
1	Đê và hành lang bảo vệ Đông kênh De	HTKT-01	71.198,14	-	-	15,7
2	Đê và hành lang bảo vệ Tây kênh De	HTKT-02	70.413,39	-	-	15,6

(Trong hành lang bảo vệ đê kênh De có 02 công trình tín ngưỡng hiện hữu là Phủ Nam Khê và Đền La Lả không thuộc phạm vi quản lý trong đồ án quy hoạch chi tiết này; việc quản lý theo định hướng tại các quy hoạch, các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định).

4. Tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị

4.1. Tổ chức không gian

a) Khu đất quản lý điều hành cảng cá: Bao gồm các công trình phục vụ cho việc quản lý và vận hành hoạt động cảng cá; định hướng giữ nguyên hiện trạng các công trình hiện hữu đã được đầu tư xây dựng.

b) Khu cảng cá:

Khu vực sân cảng tổ chức đảm bảo hoạt động cho tàu cá ra, vào, neo, đậu, bốc dỡ thủy sản, tiếp nhận nhiên liệu, nhu yếu phẩm thiết yếu. Đối với sân cảng là vùng đất được giới hạn để xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, các công trình phụ trợ khác và lắp đặt trang thiết bị, cụ thể như sau:

- Khu cầu cảng: Có chức năng đầu mối truyền tải gồm hệ thống cầu thang sân cầu cảng và mái che cầu cảng.

- Khu hậu cần cảng - Dịch vụ hậu cần nghề cá: Xưởng sửa chữa ngư lưới cụ, kho cảng, nhà tiếp nhận và phân loại hải sản, khu vệ sinh công cộng, nhà máy chế biến cá.

- Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ khác: Trạm điện; bể nước + trạm bơm; bể xử lý nước thải; bãi thu gom chất thải rắn; bãi đỗ xe; sân đường nội bộ cảng.

c) Khu đất âu neo đậu tránh trú bão: Khu vực được tổ chức thành 2 phân khu nhỏ là khu quản lý điều hành âu tránh trú bão và khu nhà sinh hoạt cộng đồng.

- Đối với khu quản lý điều hành âu tránh trú bão: Bố trí hạng mục nhà quản lý điều hành âu đảm bảo hoạt động cho cán bộ giám sát và quản lý toàn bộ hoạt động trong âu tránh trú bão cùng hệ thống sân đường nội bộ, cây xanh.

- Đối với khu nhà sinh hoạt cộng đồng: Dự kiến bố trí hạng mục công trình nhà sinh hoạt cộng đồng cùng hệ thống sân đường, cây xanh. Công trình là nơi sinh hoạt, hỗ trợ ngư dân trong thời gian trú bão, đồng thời tạo điều kiện gắn kết cộng đồng ngư dân với các không gian chức năng chính như phòng nghỉ, phòng sinh hoạt chung, phòng sơ cứu, khu vực bếp ăn, khu tắm - vệ sinh, phòng thông tin liên lạc, kho...

d) Mặt nước: Mặt nước được phân loại thành mặt nước trước cảng và mặt nước khu neo đậu tránh trú bão.

- Đối với vùng nước trước cảng là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng vào cảng cá và công trình phụ trợ khác.

- Đối với vùng nước neo đậu tránh trú bão được tổ chức thành 3 phân khu nhỏ đáp ứng cho 700 tàu có công suất khác nhau, như: Phân khu cho tàu $250 \div 400$ CV; phân khu cho tàu $90 \div 250$ CV; phân khu cho tàu dưới 90 CV.

4.2. Kiến trúc, thiết kế đô thị

- Hạng mục công trình dịch vụ hậu cần cảng: Chủ yếu là dạng công trình nhà xưởng yêu cầu không gian lớn rộng rãi, đáp ứng cho các dây chuyền sản xuất hậu cần nghề cá, như nhà máy sản xuất đá cây, xưởng sửa chữa máy, cơ khí, sửa chữa và sản xuất ngư lưới cụ với định hướng màu sắc đơn giản, hiện đại phù hợp với loại hình công trình.

- Hạng mục công trình nhà điều hành: Công trình nhà điều hành định hướng xây dựng hình thức kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn cho cảng cá. Tổ chức đảm bảo tính kết nối với các hạng mục công trình khác trên cảng, thuận tiện trong công tác quản lý và điều hành cảng với phương án màu sắc định hướng sáng màu, trang nhã, hiện đại.

- Hạng mục công trình cầu cảng: Tổ chức xây dựng cầu cảng theo cảng thủy nội địa theo đó vị trí cầu cảng là nơi vừa xếp dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ khác. Mái che cầu cảng được đầu tư đồng bộ với cầu cảng đảm bảo kích thước về chiều cao thuận tiện cho neo đậu tàu và hoạt động bốc dỡ hàng hóa.

- Thiết kế xây dựng các công trình trong khu vực yêu cầu phải tuân thủ về chiều cao, mật độ, khoảng lùi... được quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Khu vực xây dựng quy định từ 1 ÷ 3 tầng, khoảng lùi và chiều cao công trình thực hiện theo thiết kế đô thị của đồ án quy hoạch.

5. Tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường phía Tây Ban Quản lý cảng cá cảng Hòa Lộc (mặt cắt A-A): Lòng đường 7,5 m, vỉa hè $2 \times 4,0$ m, CGĐĐ 15,5 m.

+ Đường đê phía Bắc cảng cá Hòa Lộc (mặt cắt 1-1): Lòng đường 7,0 m.

+ Đường đê phía Tây kênh De (mặt cắt 2-2): Lòng đường 3,5 m, lề đường $2 \times 1,0$ m, nền đường 5,5 m.

+ Đường đê phía Đông kênh De (mặt cắt 3-3): Lòng đường 5,0 m, lề đường $2 \times 1,0$ m, nền đường 7,0 m.

- Giao thông nội bộ: Khu vực sân và cầu cảng (mặt cắt 1-1): Sân cảng $62,5 \div 70,0$ m, cầu cảng 12,9 m.

Trong khu vực sân cảng bố trí bề rộng lối đi giữa các khu nhà chức năng từ $5,0 \div 10,0$ m đảm bảo cho các phương tiện lưu thông một cách thuận tiện và an toàn.

5.2. San nền - chuẩn bị kỹ thuật

a) Giải pháp san nền:

- Nguyên tắc thiết kế: Cao độ san nền phải phù hợp với cao độ của đồ án quy hoạch chung đô thị Hòa Lộc; đồng thời tham khảo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Tiểu dự án nâng cấp, mở rộng cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường thuộc Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB để đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng đô thị; thuận lợi cho việc thoát nước mặt và không gây xói lở nền đường nền công trình; không gây ngập úng; tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp, bảo vệ cây lưu niên và lớp đất màu.

- Nội dung thiết kế: Cao độ san nền khu quản lý điều hành âu tránh trú bão và khu nhà sinh hoạt cộng đồng từ $3.45 \div 3.30$ m, hướng dốc từ Tây sang Đông; độ dốc san nền khu quản lý điều hành âu tránh trú bão và khu nhà sinh hoạt cộng đồng bằng 0,45%.

b) Giải pháp thoát nước mưa:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; khu vực nghiên cứu gồm 02 lưu vực:

+ Lưu vực 1: Lưu vực khu cảng cá Hoà Lộc, hướng dốc thoát nước chính từ Bắc xuống Nam thoát ra sông Trường Giang.

+ Lưu vực 2: Lưu vực khu quản lý điều hành âu tránh trú bão và khu nhà sinh hoạt cộng đồng, hướng dốc từ Đông sang Tây thoát ra kênh De.

- Tuyến rãnh thoát nước mưa được quy hoạch trùng với hướng dốc san nền, được bố trí dọc trên hè các tuyến đường. Dọc tuyến thoát nước bố trí các hố ga khoảng cách theo tiêu chuẩn $20 \div 40$ m.

5.3. Cấp nước

- Nhu cầu dùng nước tối đa của khu vực lập quy hoạch $Q = 1.037$ m³/ngđ (trong đó, nhu cầu nước sinh hoạt và chữa cháy là $Q = 827$ m³/ngđ; nhu cầu nước tiếp xúc với thủy sản là $Q = 210$ m³/ngđ).

- Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước thuộc Ban Quản lý cảng cá đang quản lý, khai thác.

- Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế cấp nước thành 02 hệ thống riêng biệt; trong đó nước cho sinh hoạt và PCCC được cấp trực tiếp vào bể nước ngầm qua bơm cấp đến các công trình dùng nước và các trụ chữa cháy ngoài nhà, bố trí các trụ chữa cháy ngoài nhà theo tiêu chuẩn với khoảng cách tối đa là 120 m/trụ.

- Nước cấp cho thủy hải sản được xử lý bằng bể lắng khử Clorua qua hệ thống bơm cấp đến các nhà phân loại thủy hải sản và các cầu cảng.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

5.4. Thoát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải làm tròn: $Q = 167 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nước thải sau khi được thu gom về bể xử lý phía Đông khu đất lập quy hoạch (khu cảng cá Hoà Lộc), nước sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn thoát về trạm xử lý nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn (cột B) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (kênh De).

- Nguyên tắc thiết kế: Theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa.

- Giải pháp thiết kế:

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước thải khu vực thoát riêng với hệ thống thoát nước mưa. Cống thoát nước thải trong khu vực dùng ống PVC - classic 3 đi trên vỉa hè cây xanh, đoạn qua đường sử dụng ống lồng thép.

+ Dọc tuyến cống thoát nước thải bố trí hố ga thoát nước thải để xử lý sự cố và vét bùn, khoảng cách hố ga đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước thải.

+ Nước thải được thu gom vào hệ thống cống nhánh, cống chính về bể xử lý nước thải phía Tây khu đất lập quy hoạch, nước sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận.

5.5. Xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Chỉ tiêu xử lý chất thải rắn: 0,9 kg/người/ngđ với chỉ tiêu thu gom đạt 100%.

- Tổng nhu cầu rác thải: $1.500 \times 0,9 = 1.350 \text{ kg/ngđ}$.

- Rác thải được thu gom về bãi tập kết rác quy hoạch phía Đông Nam sân cảng (ký hiệu 2.20 trong bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan).

- Giải pháp vệ sinh môi trường: Nơi chứa chất thải phải kín cách khu có thủy sản và dễ làm vệ sinh, khử trùng (theo Điểm 2.3.8 QCVN 02-12:2009/BNNPTNT). Chất thải phải được thu gom và vận chuyển ra khỏi khu vực cảng cá ít nhất 04 giờ một lần về khu xử lý rác thải tập trung thuộc đô thị Hoà Lộc.

5.6. Cấp điện

- Nguồn điện: Cấp cho các công trình xây dựng mới được lấy nguồn từ trạm biến áp hiện có của nhà quản lý điều hành cảng cá công suất trạm 560 KVA-10/0,4 kV.

- Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ trạm biến áp đi ngầm đất cấp điện đến các công trình, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Chiều dài đường dây 0,4 kV: 715 m.

- Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ trạm biến áp đi ngầm đất cấp điện đến các công trình, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC.

- Điện chiếu sáng: Dùng đèn LED công suất 100W-220V lắp trên cột thép bát giác 8 m cần đơn. Dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC có chiều dài 3.337 m. Nguồn điện cấp cho điện chiếu sáng quy hoạch khu sân cảng được lấy nguồn từ điện chiếu sáng hiện có của cảng, đấu nối từ vị trí cột đèn chiếu sáng hiện có. Nguồn điện cấp cho điện chiếu sáng quy hoạch khu vực đê được lấy nguồn từ trạm biến áp hiện có và từ lưới điện hạ thế hiện có. Điều khiển điện chiếu sáng khu vực đê bằng 02 tủ điều khiển trọn bộ.

5.7. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn cấp thông tin: Từ tuyến cáp quang hiện có của khu vực.

- Mạng lưới thông tin liên lạc: Toàn bộ cáp viễn thông được luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm, cáp viễn thông trong khu vực là cáp phối luồn trong ống thép.

- Trạm phát sóng thông tin di động (BTS): Không bố trí mới trạm trong khu vực, sử dụng từ các trạm BTS hiện có lân cận khu vực.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

6.1. Nguồn gây ô nhiễm

- Trong quá trình san lấp, thi công xây dựng gây ảnh hưởng đến môi trường từ các nguồn: Bụi đất, khí thải, ô nhiễm tiếng ồn, nước thải,...

- Trong quá trình vận hành dự án, các nguồn gây ô nhiễm có thể đến từ các hoạt động kinh doanh, từ chất thải, nước thải, khí thải,...

6.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Trong quá trình xây dựng: Có phương án thi công, bố trí các máy móc thiết bị làm việc với khoảng cách hợp lý, giảm thiểu tiếng ồn, hạn chế bụi, nước thải và các chất thải rắn làm tác động xấu đến môi trường.

- Trong giai đoạn hoạt động: Thực hiện tuân thủ đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

7.1. Dự kiến danh mục đề xuất ưu tiên đầu tư

TT	Hạng mục công trình
A	Nâng cấp mở rộng cảng cá Hòa Lộc
1	Bên cập cảng
2	Kè gâm bên
3	Kè nối tiếp bên cập cảng với cửa ra của âu Lạch Trường
4	Gia cố mặt của sân bên cập tàu cũ
5	Xây dựng hệ thống mái che cầu cảng
6	Làm rãnh tập trung nước
7	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường giao thông nội bộ trong cảng
8	Nạo vét luồng vào cảng (BxL)
9	Nhà vệ sinh công cộng
10	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước sạch, cấp điện, PCCC)
B	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường
1	Luồng tàu và khu neo đậu (cao độ đáy nạo vét)
2	Cứng hóa mặt đê bao (BxL)
3	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện chiếu sáng)

7.2. Dự kiến nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới IBRD và vốn đối ứng Trung ương (theo khoản 10 Điều 1 Nghị quyết số 460/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa).

8. Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa kèm theo Quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, thuyết minh và bản vẽ quy hoạch theo nội dung phê duyệt và báo cáo thẩm định đảm bảo theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi Sở Xây dựng kiểm tra trước khi đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý thực hiện.

- Phối hợp với UBND huyện Hậu Lộc trong công tác tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được

phê duyệt theo quy định tại khoản 12 Điều 29 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) quản lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo việc đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch chi tiết với khu vực xung quanh.

2. Ủy ban nhân dân huyện Hậu Lộc có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

3. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm đăng tải nội dung phê duyệt quy hoạch trên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam (<http://quyhoach.xaydung.gov.vn>), chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

4. Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H10.(2024)QDPD_QHCT C ca L Truong

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm